

Số: 813 /BC-UBND

Sơn Dương, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO

Tiến độ thực hiện một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX - Thực hiện tháng 11 năm 2018.

I. TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1 - Về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tập trung các khâu đột phá.

(1)- *Thu hút đầu tư, phát triển mạnh công nghiệp, tập trung vào một số ngành có tiềm năng, lợi thế.*

UBND huyện tiếp tục phối hợp với các Sở, ngành thẩm định hướng dẫn các nhà đầu tư triển khai các thủ tục, tiến hành khảo sát địa điểm thực hiện dự án như: Dự án đầu tư khu du lịch của Tập đoàn FLC tại xã Tú Thịnh, Minh Thanh; Dự án sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu của Công ty cổ phần thương mại tổng hợp Vĩnh Thịnh tại xã Phúc Ứng...

(2)- *Nâng cao hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới*

Tổng sản lượng lương thực ước đạt 86.469,8/85.373 tấn, đạt 101,3% nghị quyết HĐND huyện giao năm 2018.

Hoàn thành đốn chặt mía niên vụ 2017-2018; triển khai kế hoạch mía niên vụ 2018 - 2019, tổng diện tích mía hiện có 3.134 ha, đạt 84,7% KH, trong đó: Trồng mới 258,5 ha, đạt 64,6% KH, trồng lại 545,8 ha, đạt 91% KH; lưu gốc 2.329,7 ha, đạt 86,3% KH.

Tổng diện tích chè hiện có 1.645,2 ha, trong đó: Chè kinh doanh 1.541,8 ha; chè kiến thiết cơ bản 83,4 ha, sản lượng ước đạt 14.331,8 tấn, bằng 113,5% KH, tăng 10,7% so với cùng kỳ 2017.

Đàn gia súc, gia cầm được duy trì, ổn định. Đàn trâu 20.069/21.820 con, đạt 92 % KH; đàn bò 12.361/11.818 con, đạt 104,6% KH; đàn lợn 171.994/135.000 con, đạt 127,4% KH; đàn gia cầm 1.253.000/1.253.000 con, đạt 100% KH. Ngày 28/6/2018, phát hiện gia súc nghi mắc bệnh Lở mồm long móng trên địa bàn xã Trung Yên, số lượng 18 con gia súc/8 hộ (trâu 8 con, bò 10 con), đã thực hiện khoanh vùng điều trị, không có gia súc bị chết.

Chỉ đạo xây dựng các mô hình cánh đồng lớn, mô hình liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân; xây dựng mô hình mỗi xã một sản phẩm đặc trưng. Hiện nay đang triển khai thực hiện 07 mô hình gồm: mô hình cánh đồng lớn trồng lạc gắn với cơ giới hóa đồng bộ với diện tích 4,77ha/54 hộ/181 thửa đất tại xã Lâm Xuyên; mô hình cây chanh Nhật liên kết theo chuỗi giá trị, hiện đang trồng thử nghiệm 8.700 cây/10ha tại xã Tuấn Lộ; mô hình trồng cây dược liệu Cà gai leo tại các xã Lâm Xuyên, Hợp Hòa, Sầm Dương, Văn Phú với diện tích 4,8 ha/4 xã; mô hình trồng Hoa Nhài tại xã Cấp Tiến với diện tích 3 ha/26 hộ; mô hình sản xuất gạo đặc sản tại xã Minh Thanh,

Tân Trào với diện tích 54,1ha/480 hộ/9 thôn; mô hình sản xuất phân hữu cơ của Công ty cổ phần Hồng Minh với công suất 15.000 tấn phân/năm đạt tiêu chuẩn ISO 9001-2012; dự án chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGAP liên kết theo chuỗi giá trị gắn với lò giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại xã Quyết Thắng. Từng bước triển khai sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn huyện; đã có mô hình trồng rau thủy canh tại xã Kháng Nhật, trồng rau nhà lưới tại xã Sầm Dương (diện tích 8.000m²); thực hiện 37 mô hình thâm canh mía/106,7 ha theo hướng dẫn số 580/HD-SNN-ĐSD ngày 27/3/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT và Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương.

Kết quả trồng rừng năm 2018 đạt 2.161,6 ha, bằng 106,7% KH; trong đó: Trồng rừng sản xuất 2.136,6 ha, đạt 106,8 % KH (*doanh nghiệp 372,94 ha, đạt 124,28 % hộ gia đình 1.763,66 ha, đạt 103,7 %*); trồng cây phân tán thực hiện 25 ha, đạt 100% KH; khai thác gỗ rừng trồng: 1.881,16 ha, đạt 110,7 % KH, sản lượng 133.344,53 m³, đạt 87,15 % KH. Triển khai cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) tại địa bàn 02 xã: Cấp Tiến, Tú Thịnh 1.895,3 ha (*Cấp Tiến 857,54 ha, Tú Thịnh 1037,76 ha*).

Toàn huyện hiện có 65 hợp tác xã (trong đó có 42 hợp tác xã nông nghiệp và 23 hợp tác xã phi nông nghiệp) và 228 trang trại (27 trang trại tổng hợp, 200 trang trại chăn nuôi, 01 trang trại trồng trọt).

Huyện có 06 làng nghề chè tại các xã Trung Yên, Minh Thanh, Tú Thịnh, Phúc Ứng, Hợp Thành và Tân Trào được tỉnh công nhận, 03 mô hình chè sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP (chè Trung Long xã Trung Yên; chè thôn Cây xã Minh Thanh; chè Liên Phương xã Phúc Ứng); hỗ trợ xây dựng được 06 hợp tác xã kiểu mới liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm; hỗ trợ cho 02 trang trại thực hiện chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGAP, 01 trang trại nấm tại xã Bình Yên.

*** Tiến độ xây dựng nông thôn mới:** Đến 30/11/2018 toàn huyện đạt 42/42 tiêu chí đăng ký, đạt 100% KH; 5 xã đạt chuẩn 19/19 tiêu chí gồm (*Tân Trào, Ninh Lai, Đại Phú, Hồng Lạc, Sơn Nam*); 02 xã đạt 16 tiêu chí (*Vĩnh Lợi, Sầm Dương*); 22 xã đạt từ 10-15 tiêu chí; 3 xã đạt từ 5-10 tiêu chí. Tổng số tiêu chí đạt lũy kế đến 10/11/2018 toàn huyện đạt 416 tiêu chí/32 xã, bình quân đạt 13,0 tiêu chí/xã đạt so với kế hoạch đề ra; xây dựng mô hình thôn nông thôn mới tại 32 thôn/32 xã.

*** Tiến độ thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-HĐND, Nghị quyết số 12/NQ-HĐND tỉnh:**

- Đăng ký vay vốn 02 hộ/02 trang trại, nhu cầu vay vốn 900 triệu đồng, nhu cầu hỗ trợ lãi suất 54 triệu đồng; đã giải ngân 01 hộ, trị giá 250 triệu đồng.

- Hỗ trợ lãi suất tiền vay Nghị quyết số 10/NQ-HĐND: 443.215.051 đồng.

- Giải ngân cho vay vốn với kinh phí mua trâu: 1.250 triệu đồng/47 con trâu/25 hộ (trong đó trâu cái sinh sản 43 con/21 hộ, trị giá 1.050 triệu đồng; trâu đực giống 4con/4 hộ, trị giá 200 triệu đồng);

- Hỗ trợ lãi suất tiền vay Nghị quyết số 12/NQ-HĐND: 742.750.189 đồng.

*** Tiến độ thực hiện Nghị quyết 03/2016/NQ-HĐND tỉnh:**

- Đến 30/11/2018, đã tiến hành khởi công xây dựng 35/35 nhà văn hóa thôn, tổ dân phố gắn với sân thể thao và khuôn viên, đạt 100% nghị quyết HĐND huyện giao (*trong đó đã hoàn thiện 23/29 NHV thôn, 06/06 NVH tổ dân phố*).

- Đến ngày 30/11/2018 đã thi công được 66.000 m/66.000m kênh mương nội đồng, đạt 100% KH.

- Đến 30/11/2018, Bê tông hóa đường giao thông nội đồng và vùng sản xuất hàng hóa được 35 km/35 km, đạt 100% KH.

(3)- Phát huy tiềm năng, đẩy mạnh phát triển du lịch để trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

Thực hiện tốt các giải pháp quản lý điều hành chương trình xúc tiến thương mại thị trường, lưu thông hàng hóa, cung ứng các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống của nhân dân; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

Toàn huyện hiện có 159 doanh nghiệp lớn nhỏ, trên 500 cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trên các lĩnh vực như chế biến nông lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản, kinh doanh vận tải hàng hóa, xăng dầu, cung ứng giống vật tư nông lâm nghiệp, tạo việc làm cho trên 6.500 lao động với thu nhập bình quân 4 triệu đồng/người/tháng.

Toàn huyện có 02 siêu thị thương mại và điện máy, 30 chợ đang hoạt động (02 chợ thành thị, 28 chợ nông thôn), chợ kiên cố: 21 chợ; chợ bán kiên cố: 07 chợ; chợ tạm: 02 chợ) với tổng số hộ kinh doanh tại các chợ: 1.762 hộ kinh doanh cố định thường xuyên với lượt khách trung bình theo phiên trên 450 lượt người/phiên/chợ.

(4)- Cải thiện môi trường đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại.

UBND huyện tiếp tục phối hợp với các sở, ngành thẩm định hướng dẫn các nhà đầu tư triển khai các thủ tục, tiến hành khảo sát địa điểm và tiến hành triển khai thực hiện dự án như: Dự án xây dựng khu du lịch tại các xã Tú Thịnh, Minh Thanh của tập đoàn FLC; dự án hợp tác với Nhật Bản trồng cây chanh đào tại xã Thuận Lộ; tiếp tục làm việc với Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) trong chương trình phát triển nông thôn tại huyện Sơn Dương; hoàn thành tiếp nhận nguồn vốn tài trợ xây dựng trường Mầm non Hợp Hòa, Tiểu học Đồng Quý do tổ chức GNI-Hàn Quốc tài trợ, vốn xây dựng trạm Y tế Tam Đa do Nhật Bản tài trợ, vốn xây dựng trường Tiểu học Sơn Nam do Ngân hàng Công Thương Việt Nam tài trợ, nguồn vốn của tổ chức Jika Nhật Bản...

Tiếp tục thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND huyện và duy trì tại các xã, thị trấn để giải quyết các thủ tục hành chính liên quan tới doanh nghiệp và người dân.

(5)- Tiếp tục huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư nâng cao chất lượng hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đô thị

Hoàn thành việc lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2020, kế hoạch sử dụng năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; hoàn thiện Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Sơn Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Ban hành Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2018 trên địa bàn huyện Sơn Dương. Triển khai lập dự toán, tư vấn thiết kế các công trình thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2018 theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn; đôn đốc các nhà thầu thi công đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình chuyên tiếp; hoàn thiện hồ sơ quyết toán các công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Hoàn thành

xây dựng đầu điểm các công trình xây dựng nông thôn mới, các công trình thuộc nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2018 theo kế hoạch vốn tình phân bổ. Thực hiện tiếp nhận, đề xuất tiếp nhận các nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức (GNI, KOICA Hàn Quốc, Nhật Bản, EU, Ngân hàng Công thương...) đảm bảo kịp thời theo quy định.

Tiếp tục rà soát, khảo sát, lập quy hoạch các khu dân cư mới và hoàn chỉnh các thủ tục trình dự kiến bán đấu giá quyền sử dụng đất vào đầu năm 2019.

Hoàn thành xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2019 báo cáo Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, UBND tỉnh theo quy định.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác giải tỏa hành lang an toàn giao thông đường bộ dọc tuyến Quốc lộ 2C và Quốc lộ 37 đoạn qua các xã trên địa bàn huyện Sơn Dương.

(6)- Nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ, thực hiện tốt nhiệm vụ tài chính, tín dụng, phát triển các loại thị trường

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến ngày 30/11/2018 đạt 108.699,8/108.000 triệu đồng, đạt 100,64% dự toán HĐND huyện giao; ước năm 2018 đạt 114.785,3/108.000 triệu đồng, bằng 106,3% dự toán HĐND huyện giao. Tích cực quy hoạch các khu dân cư và tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất để thu ngân sách, đến ngày 30/11/2018, thu tiền sử dụng đất đạt 25.337,789/25.000 triệu đồng, đạt 101,4% KH giao.

Chi ngân sách đảm bảo nhiệm vụ theo kế hoạch, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chi ngân sách phục vụ các nhiệm vụ chính trị và các chế độ chính sách, tổng chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện thực hiện đến ngày 30/11/2018 là 684.081,3/730.584 triệu đồng, bằng 93,63% dự toán HĐND huyện giao.

Đến 30/11/2018 đã quyết toán xong 50/79 công trình, đạt 63,3%. Trong đó: Nguồn vốn phân cấp cho huyện 15 công trình; Vốn chương trình 135 năm 2017: 20 công trình; Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 15 công trình.

Duy trì hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn phục vụ nhu cầu của người dân và doanh nghiệp; thu hút Ngân hàng bưu điện LienvietPosbank mở phòng giao dịch tại huyện Sơn Dương. Tổng dư nợ của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đạt trên 2.000 tỷ đồng.

(7)- Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên, tích cực bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực và đặc sản trên địa bàn, giai đoạn 2016 - 2020.

Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện từng bước được thực hiện đúng các quy định của pháp luật và đạt được những kết quả nhất định, góp phần vào sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.

(8)- Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ.

Quy mô trường lớp được củng cố và phát triển. Toàn huyện có 110 trường học, tăng 01 trường mầm non tư thục so với cùng kỳ năm 2017. Công tác xã hội hóa giáo

được được đẩy mạnh, trong năm 2018 thành lập được 01 trường mầm non và 02 nhóm trẻ tư thục.

Chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tại 33/33 xã, thị trấn. Tích cực thực hiện kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, dự kiến có 42 trường đạt chuẩn quốc gia (06 trường mầm non, 16 trường tiểu học, 03 trường liên cấp TH&THCS, 17 trường THCS), đạt 95,45% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX (44 trường).

Tổ chức tổng kết năm học 2017-2018, kết quả tỷ lệ học sinh HTCTTH đạt 100%, tốt nghiệp THCS đạt 99,9%, tốt nghiệp THPT đạt 97,1%. Tổ chức khai giảng năm học 2018-2019 đúng quy định, kết quả: Tỷ lệ huy động nhà trẻ đạt 11,7%; huy động mẫu giáo đạt 99,9%; huy động vào lớp 1 đạt 100%; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100%; học sinh tốt nghiệp lớp 9 vào lớp 10 đạt 83,9%.

Triển khai tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với 19/36 trường tiểu học và trường liên cấp tiểu học và THCS. Tập trung chỉ đạo các xã, thị trấn xây dựng bổ sung công trình vệ sinh, công trình nước sạch cho các trường học, cấp hỗ trợ các xã, thị trấn 1,66 tỷ đồng để kết hợp với kinh phí xã hội hóa xây dựng 47 công trình vệ sinh giáo viên, 17 công trình vệ sinh học sinh, 05 công trình nước sạch tại các trường học.

Công tác phân luồng học sinh được chú trọng thực hiện theo Kế hoạch số 293/KH-UBND ngày 17/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện về phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông giai đoạn 2016-2020. Năm học 2018-2019 tuyển sinh được 200 học sinh vào học bổ túc THPT kết hợp với học nghề tại Trung tâm GDTX-GDNN huyện.

(9)- Chăm lo xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững

Đã tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn, các nhiệm vụ chính trị của địa phương; Hoạt động văn nghệ quần chúng tiếp tục phát triển; công tác quản lý, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa tiếp tục được quan tâm (trong năm 2018, đã được công nhận 01 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, 02 di tích cấp quốc gia, 03 di tích cấp tỉnh); Tổ chức liên hoan hát Sinh Ca huyện Sơn Dương lần thứ nhất năm 2018 tại xã Đại Phú với 09 xã tham gia. Tổ chức các giải thi đấu thể thao khu vực thượng huyện tại xã Tân Trào nhân dịp kỷ niệm 73 năm ngày Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 với sự tham gia của 11 đơn vị...

Đón tiếp trên 763.000 lượt khách du lịch, tổng thu xã hội từ du lịch đạt 531 tỷ đồng. Hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng Trang thông tin điện tử của huyện; đầu tư xây dựng mới 20 trạm truyền thanh không dây tại các xã; từng bước phát triển các sản phẩm du lịch lịch sử, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng; thu hút được dự án hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tại xã Tân Trào do tổ chức JICA Nhật Bản tài trợ với số tiền là 10 triệu yên (tương đương 2 tỷ VNĐ); tổ chức phi chính phủ của Nhật Bản và Công ty Nhíp cầu Y tế đầu tư 08 cột đèn bằng pin năng lượng mặt trời và năng lượng gió với số tiền hơn 500.000 USD (tương đương 12 tỷ VNĐ); mời gọi được Ban trị sự giáo hội Phật giáo tỉnh đầu tư xây dựng Chùa Lang Đạo xã Tú Thịnh và Chùa Đăng Châu thị trấn Sơn Dương với số tiền trên 32,6 tỷ đồng....

(10)- Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 08/02/2018 về kế hoạch thực hiện công tác y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình năm 2018. Đã khám chữa bệnh lũy kế tổng số lượt khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế 11 tháng đầu năm đạt trên 245.166 lượt người, bằng 87.24% KH; công suất sử dụng giường bệnh đạt 76%.

Các chương trình, mục tiêu quốc gia về y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình được triển khai đầy đủ ở tất cả các xã, thị trấn trong huyện; Công tác phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm được UBND huyện chỉ đạo quyết liệt; thực hiện 01 cuộc kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm và y tế tư nhân. Toàn huyện có 18/33 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Có 99,7 % số cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm được kiểm tra đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Số đối tượng chính sách được cấp thẻ BHYT là 71.806 người, đạt 106,9 % kế hoạch giao; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn huyện đạt 90,2%.

(11)- Thực hiện tốt chính sách lao động, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội giảm nghèo bền vững, tích cực đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội

Tổ chức thăm hỏi các gia đình chính sách, người có công với cách mạng, người cao tuổi. Phối hợp với Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Tuyên Quang tổ chức khám sàng lọc cho trẻ bị khuyết tật về mắt, môi, hàm ếch, tim bẩm sinh. Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập. Chỉ đạo rà soát, hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

Tạo việc làm mới cho trên 5.328 người lao động/4.560 người, đạt 116,8% KH (trong đó: Xuất khẩu 112 lao động); mở 09 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn với 315 học viên tham gia. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Kế hoạch giảm nghèo năm 2018; tổ chức đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và kết quả thực hiện chính sách về nhà ở đối với người có công với cách mạng; hết năm 2017 toàn huyện còn 8.306 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 17% (giảm 3,84%); hộ cận nghèo có 5.513 hộ, chiếm 11.29%; năm 2018, số hộ nghèo cuối năm còn 6.450/49.630 hộ, chiếm 13%; số hộ cận nghèo cuối năm là 6.099/49.630 hộ, chiếm 12,29% tổng số hộ.

(12)- Tăng cường quốc phòng, an ninh

Duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo vũ khí trang bị phục vụ các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Tổ chức huấn luyện cho các đối tượng đạt 100% KH đảm bảo an toàn về người và vũ khí trang bị. Hoàn thành diễn tập khu vực phòng thủ huyện năm 2018 đạt loại xuất sắc. Thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng - an ninh cho các đối tượng đảm bảo chương trình, kế hoạch.

Tình hình an ninh trật tự được giữ vững, ổn định, thực hiện tốt các phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 12/02/2018 về đảm bảo an toàn giao thông và kiểm chế tai nạn giao thông trên địa bàn huyện năm 2018. Tiếp tục đấu tranh ngăn chặn hoạt động của tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh, Hội Thánh đức chúa trời mẹ, Ngọc phật Hồ Chí Minh,...

Trên địa bàn xảy ra 158 vụ vi phạm pháp luật, trong đó về an ninh trật tự an toàn xã hội 104 vụ; lĩnh vực kinh tế môi trường 53 vụ; phát hiện xử lý hành chính 22 đối tượng tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy; 09 vụ vi phạm pháp luật về kinh

tế, môi trường; 23 vụ tai nạn giao thông làm chết 10 người, 20 người bị thương (So với cùng kỳ năm 2017, số vụ giảm 10, số người chết giảm 8, số người bị thương giảm 11 người); 01 vụ nổ làm chết 02 người; 10 vụ đánh bạc/63 đối tượng, phạt tiền 57.100.000, tịch thu xung quỹ nhà nước 23.257.000 đồng.

Triển khai kế hoạch cao điểm đảm bảo trật tự an toàn giao thông - trật tự an toàn xã hội nhân các ngày lễ, kỷ niệm lớn trong năm 2018; phát hiện và lập biên bản xử lý vi phạm 7.103 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, phạt tiền 1.966,17 triệu đồng.

13- Xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, tiếp tục cải cách tư pháp

Tiếp công dân thường xuyên và định kỳ 495 lượt (Ủy ban nhân dân huyện tiếp 276 lượt; Thanh tra huyện: 60 lượt; Ủy ban nhân dân cấp xã: 130 lượt; tiếp định kỳ và đột xuất của lãnh đạo UBND huyện 29 lượt).

Tổng số đơn đã tiếp nhận là: 363 đơn (kiếu nại 03 đơn, tố cáo 07 đơn, phản ánh, kiến nghị là 353 đơn). Trong đó: Lĩnh vực hành chính đất đai 267 đơn; kinh tế: 17 đơn; chế độ chính sách: 17 đơn; phẩm chất đạo đức: 05 đơn; tư pháp: 23 đơn; lĩnh vực khác: 34 đơn. Kết quả giải quyết: Đã được giải quyết lần đầu 330 đơn (kiếu nại: 02 đơn; tố cáo: 05 đơn; kiến nghị, phản ánh: 323 đơn), đạt 91%; đang xem xét giải quyết 33 đơn (kiếu nại: 01 đơn; tố cáo: 02 đơn; kiến nghị, phản ánh: 30 đơn).

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 07/02/2018 về tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật năm 2018, trong năm 2018 thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được 513 buổi, có 63.226 lượt người nghe (nội dung tuyên truyền pháp luật về đất đai; Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật hôn nhân và gia đình; Luật Phòng chống bạo lực gia đình; Luật Hộ tịch; Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Phòng chống tham nhũng; Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí; quy định pháp luật về an toàn thực phẩm, an toàn giao thông...). Chỉ đạo duy trì thực hiện tốt công tác chứng thực, hòa giải ở cơ sở...

II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1 - Về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tập trung các khâu đột phá

(1)- Thu hút đầu tư, phát triển mạnh công nghiệp, tập trung vào một số ngành có tiềm năng, lợi thế

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 13-CTr/HU ngày 30/9/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát triển công nghiệp giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025; Thông báo số 545-TB/TU ngày 22/8/2017 của Thường trực Tỉnh ủy tại buổi làm việc với lãnh đạo huyện Sơn Dương. Chủ động nắm chắc tình hình sản xuất, kinh doanh; phối hợp với các sở, ngành của tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là nguyên liệu, vốn kinh doanh, thị trường tiêu thụ sản phẩm cho các doanh nghiệp, cung cấp điện ổn định cho sản xuất công nghiệp. Tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư của tỉnh và mời gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, ưu tiên các ngành công nghiệp huyện có thế mạnh như công nghiệp chế biến nông lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp phụ trợ, may mặc, gia dầy...

(2)- Nâng cao hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục triển khai thực hiện các quy hoạch của tỉnh, của huyện, các nghị quyết của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh, huyện về phát triển nông thôn và sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Tổ chức sắp xếp lại sản xuất nông, lâm nghiệp theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với chế biến tiêu thụ sản phẩm; xây dựng, nhân rộng các mô hình liên kết Tổ hợp tác, Hợp tác xã kiểu mới, liên kết giữa các tổ chức kinh tế tập thể với các doanh nghiệp; đưa máy móc, thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi giúp giảm giá thành phẩm, tăng tính cạnh tranh. Tăng cường kiểm tra, giám sát, từng bước định hướng sản xuất, đảm bảo các sản phẩm nông sản, thực phẩm có tính pháp lý về chất lượng, đủ điều kiện truy xuất nguồn gốc, có chất lượng đạt các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP (*thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn Việt nam và toàn cầu*); từng bước nâng cao ý thức, gắn trách nhiệm của người dân với vệ sinh an toàn thực phẩm và sức khỏe của cộng đồng; Tập trung xây dựng một số thương hiệu sản phẩm đặc trưng của huyện như: chè, gạo, mật ong, nấm, bột sắn dây, tinh bột nghệ, sản phẩm chăn nuôi.... Tăng cường kiểm tra, đôn đốc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và các thủ tục hành chính trong khai thác lâm sản.

Rà soát thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã. Tổ chức sản xuất và Môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm được đăng ký và thực hiện thường xuyên, liên tục.

Thu hút các dự án đầu tư nước ngoài có chuyên giao công nghệ tiên tiến và quản trị hiện đại vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn huyện.

(3)- Phát huy tiềm năng, đẩy mạnh phát triển du lịch để trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 26-CTr/HU ngày 21/9/2017 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về *phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn* và kế hoạch phát triển du lịch tại Khu di tích Tân Trào; chú trọng khai thác tiềm năng để phát triển du lịch, như điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa, lịch sử; có giải pháp khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch, chỉnh trang cơ sở hạ tầng dịch vụ phục vụ du lịch tại Tân Trào và Thị trấn Sơn Dương để thu hút khách du lịch đến và lưu trú tại huyện; bố trí xe điện, xe xích lô, xe đạp, bãi đỗ xe, hệ thống công trình vệ sinh phục vụ du khách; hình thành các tua, tuyến, dịch vụ phục vụ tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn.

Tăng cường kiểm soát chất lượng và giá cả các mặt hàng, sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống, sức khỏe nhân dân; công tác quản lý thị trường, xử lý kịp thời các trường hợp gian lận thương mại, buôn lậu, hàng giả, hàng nhái; kém chất lượng; tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường mới; tiếp tục khuyến khích chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh và khai thác chợ từ các hộ gia đình, cá nhân sang mô hình doanh nghiệp hoặc Hợp tác xã; nâng cao chất lượng các dịch vụ như viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất kinh doanh, tiêu dùng.

(4)- Cải thiện môi trường đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại.

Tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư của huyện, gắn kết với các hoạt động xúc tiến đầu tư của các sở, ban, ngành. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông nhằm quảng bá, giới thiệu tiềm năng, hình ảnh, sản phẩm, môi trường đầu tư, kinh doanh và các chính sách khuyến khích đầu tư của tỉnh đến với các đối tác, các nhà đầu tư; chủ động khai thác thông tin từ nhiều nguồn trên mạng, báo chí, tạp chí chuyên ngành để hỗ trợ việc cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Tăng cường công tác đối thoại giữa chính quyền từ huyện đến xã với các nhà đầu tư, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện để lắng nghe tâm tư nguyện vọng và giải đáp các vướng mắc...

(5)- Tiếp tục huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư nâng cao chất lượng hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đô thị

Thực hiện công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát đối với đầu tư công. Tập trung đôn đốc các công trình đang thi công, bố trí đảm bảo các nguồn vốn cho các công trình hoàn thành còn thiếu vốn, các công trình dự kiến hoàn thành năm 2018, các công trình dự kiến khởi công mới có đủ thủ tục đầu tư; đôn đốc quyết toán các công trình hoàn thành, kiên quyết xử lý các chủ đầu tư, nhà thầu chậm quyết toán theo quy định. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học và các trạm y tế xã, thị trấn và các thiết chế văn hóa cơ sở.

Thực hiện có hiệu quả các quy hoạch hạ tầng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch các khu dân cư đã được duyệt. Tập trung nguồn lực thực hiện Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Sơn Dương lên đô thị loại IV vào năm 2020, đặc biệt chú trọng đến xây dựng những công trình trọng yếu như mở rộng Chợ Chiều, Bãi xử lý rác thải tập trung tại thôn Phai Cày, xã Phúc Ứng, đầu tư các tuyến đường nội thị; các dự án theo hình thức đối tác công tư.... Tiếp tục đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ xi măng thực hiện xây dựng hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn theo phương châm Nhà nước hỗ trợ xi măng, nhân dân làm.

(6)- Nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ, thực hiện tốt nhiệm vụ tài chính, tín dụng, phát triển các loại thị trường

Triển khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và Kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm 2018-2020. Thường xuyên kiểm tra, phân tích đánh giá nguyên nhân tăng giảm, nợ đọng thuế để có biện pháp khai thác những nguồn thu có tiềm năng; đồng thời đẩy mạnh các giải pháp tăng thu. Tăng cường quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực ngân sách nhà nước gắn với huy động tối đa các nguồn lực ngoài nhà nước để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Tiết kiệm chi; gắn việc bố trí các dự án, nhiệm vụ chi với khả năng cân đối nguồn lực; khoán chi hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí...

Thực hiện lập phương án quy hoạch, đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư, để bán đấu giá quyền sử dụng đất, rà soát các quỹ đất chưa sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả để cho thuê đất hoặc bán đấu giá quyền sử dụng đất năm 2019 tăng thu ngân sách cho huyện.

Các ngân hàng tăng cường huy động nguồn vốn tại địa phương bằng các hình thức linh hoạt, thuận tiện; thực hiện tốt các giải pháp mở rộng tín dụng có hiệu quả,

gắn với kiểm soát, nâng cao chất lượng tín dụng. Tập trung ưu tiên vốn tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp và các đối tượng chính sách; kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, hạn chế nợ xấu phát sinh.

(7)- Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên, tích cực bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Phấn đấu hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn năm 2018. Tăng cường quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản tại các xã, thị trấn, làm rõ trách nhiệm người đứng đầu nếu để xảy ra sai phạm thuộc lĩnh vực quản lý. Thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng đối với các công trình, dự án triển khai trên địa bàn huyện theo quy định.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường. Hướng dẫn các tổ chức hộ gia đình cá nhân đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản của dự án, phương án, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện; kiên quyết xử lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường; chú trọng xử lý chất thải rắn, chất thải công nghiệp, chất thải độc hại và chất thải y tế; đẩy mạnh các giải pháp hữu hiệu giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường, cảnh quan ở khu vực nông thôn, khu vực đô thị...

(8)- Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình hành động số 17-CTr/HU ngày 24/01/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện thực hiện Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVI) tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 13/5/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XV) về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020 và Đề án sắp xếp lại điểm trường, lớp học gắn với bố trí số lượng người làm việc đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2021. Duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các bậc học. Khuyến khích phát triển các trường, nhóm trẻ tư thục để nâng cao tỷ lệ trẻ đi nhà trẻ. Tập trung các nguồn lực đầu tư để khắc phục tình trạng phòng học thiếu, xuống cấp và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Thực hiện tốt công tác liên kết trong đào tạo nghề tại Trung tâm Dạy nghề huyện, tập trung đào tạo nghề cho lao động nông thôn và công nhân phục vụ cho các nhà máy trên địa bàn.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

(9)- Chăm lo xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 24-CTr/HU ngày 10/10/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Quản lý tốt các hoạt động văn hoá, các lễ hội; bảo tồn và phát huy có hiệu quả các di sản văn

hóa vật thể và phi vật thể của huyện. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội; nâng cao chất lượng thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh". Bố trí nguồn lực đầu tư, nâng cấp hệ thống loa truyền thanh không dây tại các xã, thị trấn. Duy trì tiếp sóng, phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình; đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ chính trị của huyện.

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 20-CTr/HU ngày 10/3/2017 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Kết luận số 61-KL/TU ngày 14/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020. Phát triển phong trào thể dục thể thao; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ vận động viên thể thao thành tích cao, những môn thể thao có thế mạnh của huyện.

(10)- Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân

Triển khai thực hiện các Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và về Công tác dân số trong tình hình mới. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, ý thức cho đội ngũ cán bộ y tế các cấp. Củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Tăng cường kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm, đề cao trách nhiệm của chính quyền địa phương và người đứng đầu. Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng trạm y tế đạt chuẩn theo kế hoạch của ngành, của huyện. Thực hiện tốt các chính sách về dân số, gia đình và trẻ em.

(11)- Thực hiện tốt chính sách lao động, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội giảm nghèo bền vững, tích cực đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội

Tổ chức tuyên truyền định hướng, tư vấn, giới thiệu việc làm để thực hiện có hiệu quả kế hoạch việc làm và xuất khẩu lao động. Đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề; nâng cao năng lực, trình độ quản lý nhà nước và quản trị doanh nghiệp. Thực hiện hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; rà soát, xác định rõ các nhóm nguyên nhân nghèo để có giải pháp giảm nghèo bền vững; thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất, đời sống đối với đồng bào dân tộc thiểu số; công tác chăm sóc, giúp đỡ thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người có công và các đối tượng chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội; thực hiện phòng, chống ma túy, mại dâm, các tệ nạn xã hội có hiệu quả.

2- Tăng cường quốc phòng, an ninh

Nâng cao chất lượng xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trong tình hình mới; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh toàn diện, chú trọng trang bị và các điều kiện đảm bảo khác. Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân và hoàn thành nhiệm vụ quân sự, quốc phòng theo kế hoạch năm 2018. Chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cứu hộ, cứu nạn.

Tăng cường công tác nắm tình hình, phát hiện, giải quyết kịp thời các vấn đề phát

sinh có liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, các hành vi kích động, vi phạm pháp luật; ngăn chặn các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, hoạt động tuyên truyền trái phép. Phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, phòng chống ma tuý và các tệ nạn xã hội, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện, nhất là an ninh trật tự ngay tại cơ sở, không để phức tạp, kéo dài, phát sinh thành điểm nóng. Thực hiện đồng bộ các giải pháp kiềm chế tai nạn giao thông; các biện pháp quản lý chặt chẽ hành lang giao thông.

3- Xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, tiếp tục cải cách tư pháp

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; duy trì, nâng cao hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa” tại huyện và các xã, thị trấn.

Duy trì tiếp công dân hàng tháng và đột xuất. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; công tác thanh tra, kiểm tra kinh tế - xã hội; Kiểm tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, chủ tịch UBND các xã, thị trấn trong giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, đặc biệt các đơn thư khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài.

Ủy ban nhân dân huyện trân trọng báo cáo./

Nơi nhận: /

- Thường trực Huyện ủy (B/c);
- Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy (T/hợp);
- Chủ tịch UBND huyện (Báo cáo);
- Các PCT UBND huyện;
- Chánh, PVPTH UBND huyện;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc huyện;
- CV: KT;
- Lưu: VT (5 b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Quang Chúc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ XX, NHIỆM KỲ 2015-2020**

(Kèm theo Báo cáo số: **813** /BC-UBND ngày **24** /**12** /2018 của UBND huyện)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu NQĐH XVI	Thực hiện năm 2017	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	Kế hoạch năm 2018		Kết quả thực hiện						Ghi chú
						Kế hoạch được giao năm 2018	Trong đó kế hoạch năm 2018	Kỳ báo cáo năm 2018		Lũy kế từ đầu năm				
								Kết quả thực hiện tháng 11 năm 2018	So sánh ước TH/KH	Kết quả thực hiện lũy kế	So sánh ước thực hiện với kế hoạch năm 2018 (%)	So sánh ước thực hiện với cùng kỳ năm 2017 (%)	So sánh ước thực hiện với mục tiêu NQĐH XVI (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9/8	11	12=11/7	13=11/6	14=11/4	15
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm bình quân 5 năm:	%	>8											
2	Cơ cấu kinh tế													
	- Công nghiệp, xây dựng	%	40											
	- Các ngành dịch vụ	%	39											
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	21											
3	Tổng sản phẩm bình quân đầu người	USD	>2.400											
4	Giá trị sản xuất công nghiệp	Tỷ đồng	>17.600	3.725,6	3.725,6	4.140,4	4.140,4	445,2	10,8	3.798,5	91,7	102,0		
	Sản lượng bột giấy	tấn	70.000	82.200,0	82.200,0	75.000,0	75.000,0	9.581,0	12,8	130.000,0	173,3	158,2	185,7	
	Giấy in + viết đầu cuộn	tấn	140.000	110.000,0	110.000,0	112.000,0	112.000,0	14.056,0	12,6	105.000,0	93,8	95,5	75,0	
	Bột Barit	tấn	100.000	15.000,0	15.000,0	20.000,0	20.000,0	1.492,0	7,5	25.000,0	125,0	166,7	25,0	
	Đường kính	tấn	100.000	22.818,0	22.818,0	23.000,0	23.000,0	2.364,0	10,3	21.535,0	93,6	94,4	21,5	
	Chè chế biến	tấn	13.600	2.770,0	2.770,0	3.100,0	3.100,0	245,0	7,9	2.855,0	92,1	103,1	21,0	
	Bột fenspat	tấn	470.000	223.000,0	223.000,0	214.000,0	214.000,0	22.320,0	10,4	233.857,0	109,3	104,9	49,8	
	Điện thương phẩm	tr.kwh	222	196,0	196,0	205,0	205,0	41,5	20,2	210,5	102,7	107,4	94,8	
	Nước máy tiêu thụ	1.000 m3	680,0	665,0	665,0	685,0	685,0	77,0	11,2	705,0	102,9	106,0	103,7	
	Hàng may mặc	1000 sp		1.350,0		1.500,0	1.500,0	537,0	35,8	991,0	66,1			
5	Giá trị sản xuất nông, lâm, nghiệp thủy sản tăng bình quân/năm	%	>4											
	Diện tích trồng rừng tập trung	ha	53.000	2.282,30	2.282,30	2.000,00	2.000,00	-	-	2.161,60	108,08	94,71	4,08	
	Diện tích trồng rừng nguyên liệu	ha	>130.000	2.282,30	2.282,30	2.000,00	2.000,00	-	-	2.161,60	108,08	94,71		
	Năng suất gỗ rừng trồng bình quân	1000m3/ha	100	90,00	90,00	90,00	90,00	-	-	75,00	83,33	83,33	75,00	
	Mía: Diện tích mía nguyên liệu	ha	>15.500	3.499,20	3.499,20	3.700,00	3.700,00	1,50	0,04	3.136,50	84,77	89,63		
	Năng suất mía	tấn/ha	80	-	-	66,00	66,00	60,00	90,91	60,00			75,00	
	Chè: Diện tích chè	ha	>8.800	1.575,00	1.575,00	1.575,00	1.575,00	-	-	1.645,00	104,44	104,44		
	Năng suất chè	tấn/ha	90	-	-									

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu NQĐH XVI	Thực hiện năm 2017	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	Kế hoạch năm 2018		Kết quả thực hiện					Ghi chú	
						Kế hoạch được giao năm 2018	Trong đó kế hoạch năm 2018	Kỳ báo cáo năm 2018		Luỹ kế từ đầu năm				
								Kết quả thực hiện tháng 11 năm 2018	So sánh ước TH/KH	Kết quả thực hiện luỹ kế	So sánh ước thực hiện với kế hoạch năm 2018 (%)	So sánh ước thực hiện với cùng kỳ năm 2017 (%)		So sánh ước thực hiện với mục tiêu NQĐH XVI (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9/8	11	12=11/7	13=11/6	14=11/4	15
	Cam sành: Diện tích cam sành	ha	>5.500		-									
	Năng suất cam sành	tạ/ha	150		-									
	Lạc: Diện tích lạc	ha	>4.500	501,60	501,60	450,00	450,00	3,10	0,69	485,90	107,98	96,87		
	Năng suất lạc	tạ/ha	32		-	23,00	23,00	23,00	100,00	23,00	100,00		71,88	
	Lương thực: Sản lượng	tấn/năm	>330.000	87.150,60	87.150,60	85.373,00	85.373,00	39.288,20	46,02	86.469,80	101,28	99,22		
	Bình quân lương thực	kg/người/năm	400		-									
	Đàn trâu hàng năm	con	2	20.975	20.975	21.820	21.820		-	20.069,0	91,98	95,68		
	Đàn bò hàng năm	con	5	11.946	11.946	11.818	11.818		-	12.361,0	104,59	103,47		
	Đàn lợn hàng năm	con	6	164.468	164.468	135.000	135.000	19.261,00	14,27	171.994,0	127,40	104,58		
	Đàn gia cầm hàng năm	con	7	1.338.410	1.338.410	1.253.000	1.253.000	53.069,00	4,24	1.199.931,0	95,76	89,65		
	Diện tích nuôi thả cá	ha	12.200	819,00	819,00	819,00	819,00		-	819,00	100,00	100,00		
	Sản lượng thủy sản	tấn	>8.000	876,90	776,67	1.736,00		140,60		1.409,50	81,19	181,48		
6	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	>30	2,00		1,00	1,00	1,00		1,00	100,00			
7	Thu hút khách du lịch	Triệu lượt	1,7	0,797	0,570	0,715	0,715	0,600	83,916	0,763	106,7	133,9	44,9	
8	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	tỷ đồng	>2.300	108,6	108,000	108,00	108,00	21,700	20,09	108,699	100,6	100,6		
9	Giá trị xuất khẩu hàng hoá	triệu USD	>135	21,3	21,3	3,8	3,8	2,8	73,7	7,6		35,5		
10	Xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS, phổ cập giáo dục TH đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
	Tỷ lệ trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia	%	20	11,4	11,4	14,3	14,3	13,9	97,1	13,89	97,1	121,5	69,5	
	Tỷ lệ trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia	%	40	40,0	40,0	46,7	46,7	30,0	64,2	30	64,2	75,0	75,0	
	Tỷ lệ trường THCS đạt chuẩn Quốc gia	%	35	43,2	43,2	43,2	43,2	51,6	119,5	51,6	119,5	119,3	147,5	
	Tỷ lệ trường THPT đạt chuẩn Quốc gia	%	20			16,7	16,7		0,0	0			0,0	
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	>60			50,4	50,4		0,0					
	Trong đó, qua đào tạo nghề	%	>37		0,0	33,0	33,0		0,0					
11	Tạo việc làm	lao động	>23000	4.809	4.809,0	4.460,0	4.460,0	340	7,6	5.328	119,5	110,8	23,2	
	Hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá	%	90	88,5	88,5	87,0	87,0		0,0	89,1	102,4	100,7	99,0	
12	Thôn bản, tổ nhân dân đạt chuẩn văn hoá	%	80	81,1	81,1	77,0	77,0		0,0	81,0	105,2	99,9	101,3	
	Cơ quan, đơn vị, DN đạt chuẩn văn hoá	%	90											
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	<13	14,1	14,1	14,6	14,6		0,0	14,1	96,6	100,0	108,5	
	Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí QG về y tế	%	>70	54,5	54,5	20,0	20,0		0,0	18,0	90,0	33,0	22,5	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu NQĐH XVI	Thực hiện năm 2017	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	Kế hoạch năm 2018		Kết quả thực hiện						Ghi chú	
						Kế hoạch được giao năm 2018	Trong đó kế hoạch năm 2018	Kỳ báo cáo năm 2018		Lũy kế từ đầu năm					
								Kết quả thực hiện tháng 11 năm 2018	So sánh ước TH/KH	Kết quả thực hiện lũy kế	So sánh ước thực hiện với kế hoạch năm 2018 (%)	So sánh ước thực hiện với cùng kỳ năm 2017 (%)	So sánh ước thực hiện với mục tiêu NQĐH XVI (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9/8	11	12=11/7	13=11/6	14=11/4	15	
12	Số bác sỹ/10.000 dân	bác sỹ	8												Chỉ tiêu tuyến tỉnh và Trung ương
	Số giường bệnh/10.000 dân	giường bệnh	25												
	Tỷ lệ người tham gia BHYT	%	>60	93,76	93,8	85,0	85,0		0,0	90,30	106,2	96,3	100,3		
13	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	98	17,0	17,0	17,0	17,0		0,0	17,0	100,0	100,0	18,9		